

CHƯƠNG 9  
CHÍNH SÁCH NHẬP KHẨU

- Nội dung:**
- I. Vai trò của NK
  - II. Những nguyên tắc và chính sách NK
  - III. Các công cụ quản lý, NK
  - IV. Định hướng sử dụng các công cụ quản lý NK

1

---

---

---

---

---

---

---

**I. VAI TRÒ CỦA NHẬP KHẨU:**

**1. NK bổ sung và NK thay thế:**

*a) Khái niệm:*

**★ NK bổ sung:**

**★ NK thay thế:**

*Phân biệt?*

2

---

---

---

---

---

---

---

**2. Vai trò của NK:**

**Vai trò 1:** NK tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu KT theo hướng CNH đất nước.

**- Chuyển dịch cơ cấu KT theo hướng CNH?**

**★ Vai trò 1 thể hiện ở:**

- NK giúp đổi mới công nghệ → nâng cao trình độ SX và NSLĐ.
- NK tạo nền tảng CSVC-KThuật cho các ngành SX

3

---

---

---

---

---

---

---

**Vai trò 2: NK bổ sung kịp thời những mặt mắt cân đối của nền KT, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định.**

Nhiều năm trước, nền KT Việt Nam bị mất cân đối:

- Giữa Tiết kiệm và Đầu tư/ Tiết kiệm và Tiêu dùng:
- Giữa XK và NK:
- Giữa Tiền và Hàng:
- Giữa tỷ trọng CN và NN:

4

---

---

---

---

---

---

---

**Vai trò 3: NK góp phần nâng cao mức sống, trình độ TD của nhân dân.**

- Trực tiếp:
- Gián tiếp:

**Vai trò 4: NK thúc đẩy XK**

- NK là nguồn cung cấp đầu vào cho SX với mục đích XK.
- NK là tiền đề thiết lập mối quan hệ bạn hàng, mở mang thị trường tiêu thụ cho hàng XK.

5

---

---

---

---

---

---

---

**II. NGUYÊN TẮC VÀ CHÍNH SÁCH NK**

**1. NGUYÊN TẮC NK:**

**Nguyên tắc 1:**  
Sử dụng vốn NK tiết kiệm, hợp lý đem lại hiệu quả KT cao

Lý do?

- Nguồn ngoại tệ?
- Hiện nay ít cơ hội NK bằng vay nợ
- Tiết kiệm và hiệu quả là vấn đề cơ bản đối với mỗi quốc gia cũng như của mỗi DN.

Nội dung của tiết kiệm trong NK:

1. Về mặt hàng:
2. Về số lượng:
3. Về thời gian:
4. Về giá cả:

6

---

---

---

---

---

---

---

**Nguyên tắc 2:**  
**NK thiết bị kỹ thuật tiên tiến hiện đại**

Cần hiểu “Tiên tiến, hiện đại” trong điều kiện Việt Nam hiện nay là ntn?

Thực hiện: Phương châm “đi tắt, đón đầu, nhanh chóng tiếp thu công nghệ hiện đại”.

**Nguyên tắc 3:**  
**NK phải bảo vệ và thúc đẩy SX trong nước phát triển, tăng nhanh XK.**

**Nguyên tắc 4:**  
**NK cần kết hợp chặt chẽ với XK**

- Kết hợp về kim ngạch/giá trị:
- Kết hợp về mặt hàng:
- Sử dụng NK là nguồn cung cấp đầu vào đủ tiêu chuẩn để SX hàng XK.
- Coi NK là mục đích chính của XK.

**Nguyên tắc 5:**  
**Chú trọng xây dựng thị trường NK ổn định lâu dài**

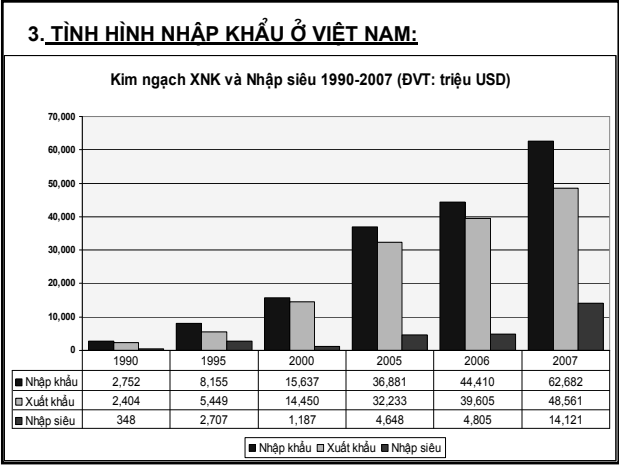
**2. CƠ CẤU NGÀNH HÀNG NK:**

**a. Khái niệm:**

Là mối tương quan tỷ lệ giữa các nhóm ngành hàng trong tổng kim ngạch NK.

**b. Phân loại các nhóm ngành hàng NK:**

- Tư liệu SX: Theo QĐ số 91-TTg (13/11/1992) bao gồm: Thiết bị toàn bộ, Thiết bị lẻ, Dụng cụ, phụ tùng và Nguyên nhiên vật liệu.
- Tư liệu tiêu dùng (Hàng TD): xem khái niệm tại Thông tư liên Bộ số 01/TM-TCHQ (20/1/1996)



---

---

---

---

---

---

---

---

- 9 NHÓM THỊ TRƯỜNG XNK:**
- 1- ASEAN
  - 2- Đông Bắc Á
  - 3- EU và các nước Tây Bắc Âu khác
  - 4- LB Nga và CIS
  - 5- Đông Âu
  - 6- Bắc Mỹ (Mỹ, Canada)
  - 7- Mỹ Latinh và Caribê (Trung, Nam Mỹ)
  - 8- Australia và New Zealand (Châu Đại Dương)
  - 9- Nam Á, Trung Đông và Châu Phi
- 11

---

---

---

---

---

---

---

---

- 5. CHÍNH SÁCH NHẬP KHẨU TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KT-XH:**
- Dành ngoại tệ để NK nguyên nhiên vật liệu phục vụ SX trong nước.
  - Ưu tiên NK máy móc thiết bị, công nghệ mới phục vụ mục tiêu CNH, HĐH, cho tăng trưởng XK.
  - Tiết kiệm ngoại tệ, chỉ NK vật tư phục vụ SX hàng XK và SX hàng TD để giảm thiểu nhu cầu NK.
  - Dành một tỷ lệ ngoại tệ thích hợp để NK tư liệu TD thiết yếu
  - Bảo hộ chính đáng SX nội địa.
- 12

---

---

---

---

---

---

---

---

III. CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHẬP KHẨU

★ **Khái niệm:**

Là những biện pháp, thủ tục mà Nhà nước đưa ra nhằm tác động và điều tiết hoạt động NK của các doanh nghiệp.

Được chia thành 2 nhóm:

- Thuế quan/Thuế NK (*Tariff*)
- Các biện pháp phi thuế quan (*Non-tariff Measures*)

13

---

---

---

---

---

---

---

1. THUẾ NK:

1.1. Khái niệm:

Là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng mậu dịch và phi mậu dịch được phép NK khi đi qua khu vực hải quan của một nước.

- Đối tượng đánh thuế?
- Đối tượng nộp thuế?
- Đối tượng chịu thuế NK?
- Cơ quan thu thuế?

Luật thuế XK, thuế NK số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005  
(có hiệu lực từ 1/1/2006)

14

---

---

---

---

---

---

---

1.2. Mục đích và tác dụng của thuế NK:

- 1) Tạo nguồn thu cho Ngân sách NN.
- 2) Góp phần hướng dẫn tiêu dùng.
- 3) Công cụ để phân biệt đối xử trong QHTM.
- 4) Công cụ bảo hộ SX nội địa.

15

---

---

---

---

---

---

---

1.2.2 Hướng dẫn Tiêu dùng

Thuế NK làm giảm thu nhập khả dụng của NTD

- 1) Đối với tiêu dùng cho cá nhân:
- Hàng không khuyến khích NK, xa xỉ: thuế cao
  - Hàng thiết yếu: thuế thấp.
- 2) Đối với tiêu dùng cho SX:
- Mức thuế tăng dần theo mức độ chế biến

1.2.3. Là công cụ phân biệt đối xử trong quan hệ TM với các nước

16

---

---

---

---

---

---

---

1.2.4. Thuế NK góp phần bảo vệ và thúc đẩy SX nội địa phát triển

- a. Tác động của thuế NK:
- Sơ đồ “Lợi ích và Chi phí của thuế NK”
- b. Tỷ suất bảo hộ:
- Tỷ suất bảo hộ danh nghĩa (NRP)  
 $NRP = \text{Nominal Rate of Protection}$
  - Tỷ suất bảo hộ hiệu quả thực (ERP)  
 $ERP = \text{Effective Rate of Protection} \gg$

17

---

---

---

---

---

---

---

1.3. Hình thức đánh thuế:

- 1.3.1. Thuế theo lượng (Specific Tariff)
- 1.3.2. Thuế theo giá trị (Ad-valorem Tariff)
- 1.3.3. Thuế hỗn hợp (Compound Tariff)

Các hình thức khác:

- \* Thuế theo mùa:
- \* Hạn ngạch thuế quan: (tariff quota)
- \* Thuế lựa chọn
- \* Thuế tính theo giá tiêu chuẩn

18

---

---

---

---

---

---

---

1.4. Cách tính thuế NK:

★ Số lượng NK:

★ Giá tính thuế:

- Là Giá mua tại cửa khẩu nhập bao gồm cả phí vận tải (F) và phí bảo hiểm (I) – Giá CIF.

(Thông tư 08/2002/TT-BTC ngày 23/1/2002 của BTC “Hướng dẫn thực hiện áp dụng giá tính thuế NK theo HDMBNT”)

19

---

---

---

---

---

---

---

Hiện nay:

Nghị định 149/2005/NĐ-CP (8-12-2005) quy định:

- Là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu NK đầu tiên theo giá hợp đồng.

Thông tư 113/2005/TT-BTC (15-12-2005) quy định cụ thể về cách xác định trị giá tính thuế theo 6 cách của Hiệp định về Trị giá Hải quan của WTO (ACV):

1. Trị giá giao dịch (Transaction Value)
2. Trị giá GD hàng đồng nhất (Identical goods)
3. Trị giá GD hàng tương tự (Similar goods)
4. Trị giá quy nạp (Deductive Value)
5. Trị giá tính toán (Computed Value)
6. Phương pháp dự phòng (Fall-back method)

20

---

---

---

---

---

---

---

★ Thuế suất:

**a-Biểu thuế quan:**

Là tập hợp danh sách các nhóm mặt hàng NK (XK) có quy định đầy đủ số hiệu (mã số thuế), mô tả hàng hoá và thuế suất.

- Dòng thuế (Tariff line):

★ Biểu thuế NK hiện tại của Việt Nam:

- Biểu thuế NK ưu đãi theo tiêu chuẩn ASEAN (AHTN - 2007) (QĐ 106/2007/QĐ-BTC ngày 20-12-2007, có hiệu lực từ 1-1-2008).
- Tổng số có khoảng 9.069 dòng thuế.
- Mã số thuế của MH/nhóm MH được chi tiết đến cấp độ 10 số,

21

---

---

---

---

---

---

---

- **Biểu thuế NK ưu đãi** gồm 21 phần, 97 chương (Chương 77 để dự phòng) và được chia thành 6 cột:

- Cột 1: Mã hiệu của Nhóm hàng (4 số)
- Cột 2: Mã hiệu của Phân nhóm hàng (6 số)
- Cột 3: Mã hiệu của Phân nhóm hàng (8 số)
- Cột 4: Mã hiệu của Mặt hàng (10 số)
- Cột 5: Mô tả hàng hoá
- Cột 6: Mức thuế suất NK

(Xem thêm Quyết định 106/2007/QĐ-BTC (20-12-2007) và biểu thuế đi kèm)

22

---

---

---

---

---

---

---

**b-Thuế suất trong Biểu thuế quan:**

**1988:** 2 loại: phổ thông và tối thiểu

**1991:** 2 loại: thông thường và ưu đãi

**1998:** có 3 loại: ưu đãi, ưu đãi đặc biệt và thông thường

**2005:** Theo Luật thuế XK, thuế NK hiện hành (Luật số 45/2005/QH-11) quy định áp dụng 3 loại thuế suất: ưu đãi, ưu đãi đặc biệt và thông thường.

**2007:** Trong biểu thuế mới áp dụng từ 2008 chỉ ghi một mức thuế suất ưu đãi (thuế suất cam kết theo WTO) ...

**Lưu ý:** *Thuế suất GSP*

23

---

---

---

---

---

---

---

**1.5. Ba loại thuế quan đặc biệt:**

**a) Thuế chống trợ cấp (Countervailing Duty)**

*Thuế đánh vào hàng NK nước ngoài được hưởng trợ cấp của CP.*

**b) Thuế chống phá giá (Anti-Dumping Duty)**

*Thuế đánh vào hàng NK nước ngoài bị xét là bán phá giá hàng hoá tại nước NK.*

**c) Thuế chống phân biệt đối xử**

*(xem thêm Luật thuế 2005)*

24

---

---

---

---

---

---

---



II. CÁC BIỆN PHÁP PHI THUẾ QUAN (NTMS)

2.1. Khái niệm:

Phân biệt NTMs và NTBs

- ★ NTMs rất đa dạng và phức tạp:
- ★ Xu thế hiện nay là loại bỏ dần NTBs, thuế hoá các NTBs (tariffication of NTBs).

2.2. Phân loại:

NHÓM 1: CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ ĐỊNH LƯỢNG (QUANTITATIVE RESTRICTIONS - QRS)

- a-Cấm NK:
- b-Hạn ngạch NK:
- c-Giấy phép NK:

25

---

---

---

---

---

---

---

a-Cấm NK (Import Prohibition):

- ★ Mục đích:
- Bảo đảm An ninh quốc gia;
- Bảo vệ đạo đức XH, thuần phong mỹ tục;
- Bảo vệ con người, động vật, thực vật;
- Liên quan tới NK hoặc XK vàng, bạc;
- Bảo vệ tài sản quốc gia về nghệ thuật, lịch sử hay khảo cổ
- Bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên khan hiếm; (Việt Nam?)

26

---

---

---

---

---

---

---

b-Hạn ngạch NK (Import Quota)

- ★ Khái niệm:  
Là quy định về số lượng hay giá trị hàng hoá được NK từ một thị trường hay NK nói chung, trong một khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm).
- ★ Phân loại: theo thị trường
  - Hạn ngạch quốc gia:
  - Hạn ngạch khu vực:
  - Hạn ngạch toàn cầu:
- ★ Căn cứ xác định hạn ngạch:
- ★ Mục đích của hạn ngạch:
- ★ Tác động của hạn ngạch: Sơ đồ

27

---

---

---

---

---

---

---

Quy định của WTO?

- ❖ Điều XI – GATT/1994: không cho phép các nước sử dụng hạn ngạch để hạn chế NK.
- ❖ Điều XVIII – GATT/1994: TH đặc biệt vẫn cho phép sử dụng như:
- Khắc phục sự khan hiếm trầm trọng về lương thực, thực phẩm, sản phẩm thiết yếu.
- Bảo vệ tình hình tài chính đối ngoại và Cán cân thanh toán.
- Với mục đích giống Cấm NK:...

Hạn ngạch thuế quan (Tariff Quota)

28

---

---

---

---

---

---

---

c-Giấy phép NK (Import Licenses)

Hàng hóa muốn NK vào lãnh thổ một nước phải xin giấy phép của các cơ quan chức năng.

- ★ Mục đích:
  - ★ Phân loại: Theo Hiệp định ILP của WTO:
  - Giấy phép tự động:
  - Giấy phép không tự động:
- Ở Việt Nam?
- NĐ 89CP (15/12/1995), có hiệu lực từ 1/2/1996:
- QĐ số 46/2001/QĐ-TTg (04/04/2001):
  - QĐ số 41/2005/QĐ-TTg (02/03/2005):

29

---

---

---

---

---

---

---

NHÓM 2: CÁC BIỆN PHÁP TƯƠNG ĐƯƠNG THUẾ QUAN (PARA-TARIFF MEASURES)

- Là các biện pháp làm tăng giá hàng NK theo cách tương tự thuế quan.
- ★ Mục đích:

a. Trị giá tính thuế hải quan (Customs Valuation):

Hiệp định về thực hiện Điều 7 của GATT :

- ★ Các văn bản quy định việc áp dụng Điều 7 của GATT:
- Nghị định số 60/2002/NĐ-CP (6-6-2002); và
- Thông tư số 118/2003/TT-BTC (8-12-2003).
- Thông tư số 87/2004/TT-BTC (31-8-2004).

30

---

---

---

---

---

---

---

**b-Định giá (Pricing)**

- Giá bán tối đa
- Giá bán tối thiểu

**c-Biến phí (Variable Charges)**

- Xác định bằng mức chênh lệch giữa giá của hàng nội địa cùng loại trừ đi (-) mức giá của hàng NK

**d-Phụ thu (Surcharges)**

- Phần thu thêm ngoài thuế NK
- Mục đích:

Danh mục chịu phụ thu thường không cố định (SGK).

- Phụ thu không được WTO công nhận là hợp pháp...
- Theo biểu thuế NK ưu đãi từ 1-9-2003:

31

---

---

---

---

---

---

---

**NHÓM 3: CÁC BIỆN PHÁP LIÊN QUAN TỚI DN**

**a-Quyền kinh doanh XNK (Trading Rights)**

*Dành cho một số Cty được tiến hành XNK một số mặt hàng nhất định, trên một số thị trường và trong một thời gian nhất định.*

Mục đích?

Ở Việt Nam thì ntn?

- Trước 1986:
- NĐ33/CP (19-4-1994), NĐ 57/1998/NĐ-CP (31-7-1998):
- NĐ 44/CP (2-8-2001)

**b-Đầu mối NK (Designated Trading)**

- Cơ chế mà NN quy định một số mặt hàng chỉ được NK thông qua một số Công ty nhất định.
- Mục đích:
- Việt Nam?

32

---

---

---

---

---

---

---

**NHÓM 4: NHÓM BIỆN PHÁP KỸ THUẬT (TECHNICAL MEASURES)**

**a- Rào cản kỹ thuật đối với TM (Technical Barriers to Trade - TBT)**

*\* Là những quy định, pháp luật, yêu cầu về tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật, tính chất mà sản phẩm NK phải đáp ứng trước khi đưa vào tiêu thụ tại thị trường nội địa.*

**Theo Hiệp định về TBT của WTO, nội dung của TBT gồm:**

- Các quy định kỹ thuật (technical regulations)
- Các tiêu chuẩn (standards)
- Thủ tục đánh giá sự phù hợp (conformity assessment procedures)

33

---

---

---

---

---

---

---

**AoTBT yêu cầu:**

- Phải được áp dụng trên cơ sở MFN với hàng NK từ tất cả các nguồn;
  - Tuân thủ nguyên tắc NT;
  - Không được gây ra những “trở ngại không cần thiết đối với TM”; và
  - Phải được áp dụng trên cơ sở thông tin khoa học rõ ràng
- Một số nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật phổ biến:
- Chỉ tiêu, thông số về vận hành, hoạt động của MMTB.
  - Quy định về nhãn mác, bao bì đóng gói.
  - TC về quy trình chế biến, thẩm mỹ, kích cỡ hàng hoá.
  - TC về hàm lượng chất trong sản phẩm.
  - TC về chất lượng hàng hoá.
  - TC về bảo vệ môi trường sinh thái
  - TC về điều kiện lao động
  - TC khác:

34

---

---

---

---

---

---

---

**b- Các biện pháp kiểm dịch động thực vật  
(Sanitary and Phytosanitary Measures - SPS)**

- ★ Là các biện pháp nhằm:
- Đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Bảo vệ sức khoẻ con người.
- Bảo vệ động/ thực vật.
- Bảo vệ quốc gia khỏi các dịch bệnh, loài gây hại.
- ★ Thường là các quy định về:
- Kiểm dịch;
- Quy trình công nghệ chế biến;
- Điều kiện vệ sinh công nghiệp;
- Hàm lượng các chất có trong sản phẩm, v.v....

35

---

---

---

---

---

---

---

Hiệp định điều chỉnh	Mô tả biện pháp
<b>Quy định về Thuốc trừ sâu</b>	
SPS	Quy định về dư lượng còn lại trong thực phẩm hoặc thức ăn cho động vật.
TBT	Quy định liên quan đến chất lượng hay tính hiệu quả của sản phẩm, hoặc những nguy hiểm có thể xảy ra đối với sức khoẻ của người sử dụng.
<b>Các yêu cầu về nhãn mác đối với thực phẩm</b>	
SPS	Quy định liên quan đến sự an toàn của thực phẩm
TBT	Quy định đòi hỏi những vấn đề như diện tích được sử dụng để in nhãn, thông tin về thành phần, tỷ lệ, v.v...
<b>Quy định về container dùng để vận chuyển ngũ cốc</b>	
SPS	Quy định này đề cập về việc tẩy trùng nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh (hùn khói...)
TBT	Khi mà quy định liên quan đến kích thước hay cấu trúc của các container đó.

39

**Nguồn: “Business Guide to the World Trading System” – 2<sup>nd</sup> Edition – ITC p. 92**

---

---

---

---

---

---

---

**NHÓM 5: CÁC BIỆN PHÁP ĐẦU TƯ LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI (TRADE-RELATED INVESTMENT MEASURES)**

- a- Yêu cầu về tỷ lệ nội địa hoá:
- b- Yêu cầu về tỷ lệ XK bắt buộc:
- c- Yêu cầu về phát triển nguồn nguyên liệu trong nước:
- d- Yêu cầu về cân đối TM:
- e- Yêu cầu về cân đối ngoại hối:
- ....

37

---

---

---

---

---

---

---

**NHÓM 6: QUẢN LÝ ĐIỀU TIẾT NK THÔNG QUA CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

- a. Dịch vụ phân phối
- b. Dịch vụ tài chính, ngân hàng
  - Hạn chế trong giao dịch thanh toán
  - Hạn chế sử dụng ngoại tệ
  - Đảm bảo kết hối lượng ngoại tệ
  - Quản lý vay ngoại tệ:
- c. Các dịch vụ khác:  
Giám định HH, dịch vụ vận tải, dịch vụ khai báo và tính thuế hải quan.

38

---

---

---

---

---

---

---

**NHÓM 7: CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (ADMINISTRATIVE PROTECTION)**

- a. Đặt cọc NK (Import Deposit Schemes):
- b. Hàng đổi hàng (Barter)
- c. Thủ tục hải quan (Customs Procedures)
- d. Mua sắm của Chính phủ (Government Procurement)
- e. Quy tắc xuất xứ (Rules of Origin)

39

---

---

---

---

---

---

---

**NHÓM 8: CÁC BIỆN PHÁP TỰ VỆ TẠM THỜI  
(PROVISIONAL SAFEGUARD MEASURES)**

**Thuế quan:**

- a- Các biện pháp đối kháng, chống trợ cấp:  
(Countervailing Measures)
- b- Các biện pháp chống bán phá giá  
(Anti-dumping Measures)
- c- Biện pháp chống phân biệt đối xử  
(Anti-discriminating Measures)

**Phi Thuế quan:**

Hạn ngạch, yêu cầu cam kết....

40

---

---

---

---

---

---

---

---

**IV. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ  
QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NK:**

**1. So sánh Ưu-Nhược điểm của Thuế quan và NTMs:**

**Thuế quan:**

**Ưu điểm:**

- Rõ ràng
- Ổn định, dễ dự đoán.
- Dễ đàm phán cắt giảm mức bảo hộ

**Nhược điểm:**

- Không tạo được rào cản nhanh chóng

**Các NTMs:**

**Ưu điểm:**

- Rất phong phú về hình thức.
- Đáp ứng được nhiều mục tiêu, mức độ bảo hộ cao.
- Nhiều rào cản chưa bị cam kết cắt giảm hay loại bỏ

**Nhược điểm:**

- Không rõ ràng và khó dự đoán.
- Thực thi khó khăn và tốn kém trong quản lý.
- NN không hoặc ít thu được lợi ích tài chính.

41

---

---

---

---

---

---

---

---

**2.Định hướng sử dụng công cụ quản lý điều hành  
NK:**

• **Thuế quan:**

• **Các NTMs:**

- Tận dụng tốt những ngoại lệ của WTO dành cho các nước đang phát triển.

42

---

---

---

---

---

---

---

---